

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 97/2000/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 10 năm 2000

THÔNG TƯ

*Hướng dẫn thực hiện chế độ tài chính đối với các Quỹ tín dụng
nhân dân cơ sở và Quỹ tín dụng nhân dân khu vực.*

Thi hành Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, căn cứ quy mô và tính chất hoạt động của các Quỹ tín dụng nhân dân, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nội dung về chế độ tài chính đối với các Quỹ tín dụng nhân dân như sau:

CHƯƠNG I

CÁC QUI ĐỊNH CHUNG

1 - Đối tượng áp dụng Thông tư này là các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở và Quỹ tín dụng nhân dân khu vực (gọi chung là Quỹ tín dụng nhân dân) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Hợp tác xã và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2 - Hoạt động tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với các Tổ chức tín dụng, nội dung hướng dẫn cụ thể tại Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài chính khác có liên quan.

3 - Các Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện công khai tài chính với các cơ quan quản lý Nhà nước, các thành viên góp vốn, các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với Quỹ tín dụng nhân dân.

Quỹ tín dụng nhân dân tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

4 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan quản lý Nhà nước và Đại hội thành viên về việc thực hiện chế độ tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân.

CHƯƠNG II

NHỮNG QUI ĐỊNH CỤ THỂ.

I/ Quản lý và sử dụng vốn, tài sản

1- Quản lý vốn

1.1- Vốn hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân bao gồm:

- a) Vốn điều lệ là số vốn góp của các thành viên được ghi trong điều lệ của Quỹ tín dụng nhân dân.
- b) Vốn huy động
- c) Vốn vay
- d) Vốn dịch vụ uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước
- đ) Các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.
- e) Lợi nhuận được để lại chưa phân phối.
- g) Các loại vốn khác.

1.2- Trong quá trình hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân phải duy trì vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định do Chính phủ quy định đối với Quỹ tín dụng nhân dân.

1.3- Vốn tự có của Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Thông đốc Ngân hàng Nhà nước.

2- Sử dụng vốn của các Quỹ tín dụng nhân dân: Quỹ tín dụng nhân dân được dùng vốn hoạt động của mình để:

Đầu tư mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn tự có của Quỹ. Quỹ tín dụng nhân dân phải chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng.

Cho vay các thành viên theo quy định của pháp luật.

Góp vốn, mua cổ phần. Các Quỹ tín dụng nhân dân được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để góp vốn vào Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương theo quy định của pháp luật.

Tham gia điều hoà vốn trong hệ thống.

Sử dụng cho mục tiêu khác theo quy định của pháp luật.

3- Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm theo dõi toàn bộ tài sản và vốn hiện có, thực hiện hạch toán, mở sổ và ghi sổ kế toán theo đúng quy định của pháp luật kế toán, thống kê hiện hành; phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của vốn và tài sản, các khoản cho vay, nợ phải thu trong quá trình kinh doanh.

4- Định kỳ và khi kết thúc năm tài chính các Quỹ tín dụng nhân dân phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản và vốn hiện có. Xác định chính xác tài sản thừa, thiếu, tình hình công nợ, nợ quá hạn, nợ khó đòi, xác định nguyên nhân và trách nhiệm xử lý. Các trường hợp làm mất mát, hư hỏng tài sản phải xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân.

5- Bảo đảm an toàn và phát triển vốn: Các Quỹ tín dụng nhân dân thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vốn theo quy định sau:

- a) Thực hiện đúng chế độ quản lý, sử dụng vốn, tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Duy trì đầy đủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật

d) Tham gia tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc tổ chức bảo đảm an toàn hệ thống theo quy định của pháp luật.

đ) Được hạch toán vào chi phí khoản dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động và sử dụng khoản dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

6- Mọi tổn thất tài sản của Quỹ tín dụng nhân dân phải được lập biên bản xác định mức độ, nguyên nhân, trách nhiệm và xử lý theo nguyên tắc sau:

Nếu tài sản tổn thất do nguyên nhân chủ quan của tập thể hoặc cá nhân thì đối tượng gây ra tổn thất phải bồi thường.

Tài sản đã mua bảo hiểm thì xử lý theo hợp đồng bảo hiểm.

Sử dụng khoản dự phòng được trích lập trong chi phí để bù đắp theo quy định tại điểm 5 mục I chương II Thông tư này.

Giá trị tổn thất sau khi đã thu hồi và bù đắp bằng các nguồn trên, nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

7- Nhượng bán, thanh lý tài sản.

Quỹ tín dụng nhân dân được quyền nhượng bán, thanh lý các tài sản không cần dùng, lạc hậu về kỹ thuật, tài sản kém phẩm chất hoặc tài sản bị hư hỏng không có khả năng phục hồi để thu hồi vốn sử dụng cho mục đích kinh doanh.

Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, Quỹ tín dụng nhân dân phải lập hội đồng đánh giá thực trạng về mặt kỹ thuật, thẩm định giá trị tài sản.

Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản với giá trị còn lại và chi phí nhượng bán được hạch toán vào kết quả kinh doanh của Quỹ tín dụng nhân dân.

8- Đối với những tài sản Quỹ tín dụng nhân dân đi thuê, nhận cầm cố, nhận thế chấp, Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm quản lý, bảo quản hoặc sử dụng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận với khách hàng.

II/ Quản lý doanh thu, chi phí.

1- Doanh thu của Quỹ tín dụng nhân dân là các khoản thực thu về hoạt động kinh doanh và hoạt động khác quy định tại Điều 16 Nghị định số 166/1999/NĐ-CP ngày 19/11/1999 của Chính phủ, gồm các khoản thu sau:

Thu lãi cho vay khách hàng.

Thu lãi tiền gửi.

Thugóp vốn, mua cổ phần.

Thutừ nghiệp vụ uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

Thuvề dịch vụ cầm cố (nếu có).

Thukhác, bao gồm cả thu từ nhượng bán, thanh lý tài sản.

Quĩtín dụng nhân dân có trách nhiệm hạch toán đầy đủ, kịp thời vào doanh thu củamình khi khách hàng thanh toán cho các dịch vụ đã cung cấp. Nghiêm cấm việc đẽcác khoản thu ngoài sổ sách hoặc không hạch toán vào thu nhập.

2- Quản lý chi phí: Chi phí của Quỹ tín dụng nhân dân là số thực chi trong kỳcho hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác theo hướng dẫn dưới đây:

2.1 - Chi phí cho hoạt động nghiệp vụ bao gồm:

a)Chi phí trả lãi tiền gửi.

b)Chi phí trả lãi tiền vay.

c)Chi phí trả lãi cho nguồn vốn nhận uỷ thác của các tổ chức, cá nhân trong vàngoài nước.

d)Chi phí khác cho hoạt động nghiệp vụ.

2.2- Chi phí quản lý của Quỹ tín dụng nhân dân.

a)Chi phí cho cán bộ, nhân viên làm việc tại Quĩ tín dụng nhân dân.

Chiphí tiền lương và các khoản phụ cấp có tính chất lương cho cán bộ làm việc tạiQuĩ tín dụng nhân dân.

Hàngnăm Hội đồng quản trị Quĩ tín dụng nhân dân căn cứ vào Nghị quyết của Đại hộithành viên xem xét, quyết định mức lương, phụ cấp và thù lao công vụ cho cánbộ, nhân viên phù hợp với kết quả kinh doanh của Quĩ.

NếuQuĩ tín dụng nhân dân đã thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc thoả ước laodộng tập thể thì tiền lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương,tiền công được xác định theo hợp đồng lao động hoặc thoả ước lao động tập thể.

NếuQuĩ tín dụng nhân dân chưa thực hiện chế độ hợp đồng lao động hoặc thoả ước laodộng tập thể thì tiền lương, tiền công trả cho cán bộ nhân viên làm việc trongQuĩ tín dụng nhân dân được căn cứ vào mức thu nhập bình quân của ngành nghề doỦy ban nhân dân địa phương quy định.

Chiphí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn cho cán bộ làm việctrực tiếp tại Quỹ tín dụng nhân dân mà người sử dụng lao động phải đóng góptheo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Chibảo hộ lao động đối với những đối tượng cần trang bị bảo hộ lao động trong khilàm việc.

Chiphí tiền ăn giữa ca cho người lao động do Quỹ tín dụng nhân dân qui định phù hợp với hiệu quả kinh doanh, mức chi cho mỗi người không vượt quá mức lương tốithiểu do Nhà nước quy định đối với công chức Nhà nước.

b) Chi phí về tài sản.

Chi phí khấu hao tài sản cố định cho hoạt động kinh doanh theo qui chế quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính quy định đối với các doanh nghiệp.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định nhằm khôi phục năng lực của tài sản được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong năm. Đối với những tài sản cố định đặc thù mà chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh không đều giữa các kỳ, các năm, nếu Quỹ tín dụng nhân dân muốn trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định vào chi phí kinh doanh thì phải lập kế hoạch trích trước chi phí sửa chữa tài sản cố định và báo cáo Bộ Tài chính xem xét, quyết định. Sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân phải thông báo cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý biết. Quỹ tín dụng nhân dân phải quyết toán chi phí sửa chữa thực tế phát sinh với chi phí sửa chữa đã trích trước, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán thẳng hoặc được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ, nếu chi phí sửa chữa thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch phải hạch toán vào thu nhập trong kỳ.

Chi phí tiền thuê tài sản được hạch toán vào chi phí kinh doanh theo số tiền thực trả trong năm căn cứ vào hợp đồng thuê. Trường hợp trả tiền thuê tài sản một lần cho nhiều năm thì tiền thuê được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo số năm sử dụng tài sản.

Chi phí tiền mua bảo hiểm tài sản.

Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định (bao gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý và nhượng bán).

c) Chi phí nộp thuế, phí, tiền thuê đất phải nộp có liên quan đến hoạt động kinh doanh (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp) bao gồm: thuế môn bài, thuế sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, thuế tài nguyên, lệ phí cầu phà, lệ phí sân bay, các loại thuế và lệ phí khác.

d) Chi phí dịch vụ mua ngoài:

Là các khoản chi phí vận chuyển, điện, nước, điện thoại, vật liệu, giấy tờ in, văn phòng phẩm, công cụ lao động, phòng cháy chữa cháy và các dịch vụ khác.

Các khoản chi trên phải có đầy đủ chứng từ hoặc hoá đơn hợp lệ theo quy định của Bộ Tài chính.

đ) Chi phí khác

Chi phí đào tạo cán bộ nhân viên làm việc trong Quỹ tín dụng nhân dân bao gồm chi phí tổ chức các lớp đào tạo tại Quỹ tín dụng nhân dân và chi phí cử cán bộ đi đào tạo tại các trường đào tạo theo chế độ Nhà nước quy định.

Chi phí cho Tổ chức Đảng, đoàn thể tại Quỹ tín dụng nhân dân được lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức này, nếu nguồn kinh phí của tổ chức này không đủ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí của